

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 1373 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu dân cư –
dịch vụ du lịch - giải trí tại huyện Bắc Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 28 tháng 11 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển từ Suối Nước đến Hòa Thắng;

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu dân cư – dịch vụ du lịch – giải trí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 357/TTr-SXD ngày 03 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu dân cư - dịch vụ du lịch - giải trí tại huyện Bắc Bình, với các nội dung như sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, ranh giới: Tại xã Hồng Phong và xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp : Đường ĐT.716;
- Phía Tây giáp : Các dự án điện gió, điện mặt trời;
- Phía Nam giáp : Các dự án du lịch ven biển;
- Phía Bắc giáp : Đường ĐT.715.

b) Quy mô:

- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 868,5 ha.
- Dự báo dân số: Khoảng 45.000 người.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng theo: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Thuận đến 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế thừa và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển từ Suối Nước đến Hòa Thắng.

- Định hướng quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan; hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho khu vực; làm cơ sở để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và xác định các dự án đầu tư tại khu vực.

3. Tính chất: Khu dân cư - dịch vụ du lịch - giải trí.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

| STT | Cơ cấu sử dụng đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---------------------------|-----------------------|------------------|
| 1 | Đất dịch vụ công cộng | 41,3 | 4,7 |
| 1.1 | Giáo dục | 4,6 | 0,5 |
| 1.2 | Y tế | 4,3 | 0,5 |

| | | | |
|-------------|---|--------------|--------------|
| 1.3 | <i>Dịch vụ công cộng khác</i> | 32,4 | 3,7 |
| 2 | Đất khu dân cư | 293,6 | 33,8 |
| 2.1 | Đất ở | 225,0 | 25,9 |
| 2.2 | <i>Cây xanh, vườn hoa, giao thông nội bộ, công trình công cộng nhóm nhà ở</i> | 68,6 | 7,9 |
| 3 | Đất du lịch | 94,8 | 10,9 |
| 4 | Đất sử dụng hỗn hợp | 126,1 | 14,5 |
| 5 | Đất giao thông | 113,3 | 13,1 |
| 5.1 | <i>Đường giao thông</i> | 104,7 | 12,1 |
| 5.2 | <i>Bãi đỗ xe tập trung</i> | 4,2 | 0,5 |
| 5.3 | <i>Quảng trường</i> | 4,4 | 0,5 |
| 6 | Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly) | 70,6 | 8,1 |
| 7 | Đất cây xanh công cộng (công viên thể dục thể thao, vườn hoa, sân chơi công cộng) | 90,9 | 10,5 |
| 8 | Đất hạ tầng kỹ thuật | 3,4 | 0,4 |
| 9 | Mặt nước | 34,5 | 4,0 |
| Tổng | | 868,5 | 100,0 |

(Các chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể trong các khu vực chức năng sẽ được đề xuất trong các đồ án cấp quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành)

5. Định hướng phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan:

5.1. Định hướng phát triển không gian:

a) Nguyên tắc phát triển không gian:

- Bảo vệ môi trường cảnh quan, khai thác tối đa các lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, gắn kết đồng bộ với các khu lân cận (các trung tâm xã, trung tâm du lịch,...) và kết nối hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực.

- Tôn trọng, kế thừa các quy hoạch đã phê duyệt, các dự án đã được chấp thuận đầu tư, không làm quá tải hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Các khu vực chức năng chính:

- Khu dịch vụ công cộng: Bố trí quỹ đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, thương mại dịch vụ phục vụ nhu cầu của nhân dân như: Văn phòng, hành chính, bưu điện, nhà văn hóa, thư viện, khách sạn, trung tâm hội nghị, trung tâm thương mại,...

- Khu đất hỗn hợp: Bố trí tại các khu vực phía Bắc (ven đường ĐT 715), khu vực tiếp giáp khu du lịch dịch vụ, khu vực phía Nam tiếp giáp đường N5 và khu vực trung tâm của đồ án; bao gồm các loại hình dự án đầu tư theo hình thức kinh doanh, thương mại dịch vụ hỗn hợp như các dịch vụ: Mua sắm, spa,

âm thực, văn phòng cho thuê, nhà nghỉ; vui chơi giải trí, bar, café; trung tâm phục hồi thể lực... gắn với mục tiêu của Khu du lịch quốc gia Mũi Né.

- Khu du lịch: Bố trí khu vực phía Tây khu quy hoạch, khu vực ven hồ Bàu Nổi và một phần thuộc khu ven biển Suối Nước - Hòa Thắng. Xây dựng các công trình nghỉ dưỡng sinh thái, resort, khách sạn hiện đại đáp ứng nhu cầu giao lưu văn hóa, vui chơi giải trí cộng đồng, vui chơi giải trí khám phá biển đảo; nghỉ dưỡng, lưu trú dài ngày của nhiều đối tượng du khách.

- Khu dân cư:

+ Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ: Bố trí tiếp giáp các khu đất công cộng (giữa đường quy hoạch D1 và D2) và dọc theo trục đường chính Bắc - Nam (nối tiếp với đường N8), bao gồm quỹ đất tái định cư kết hợp kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch, tạo thành các khu thương mại.

+ Đất ở chung cư: Bố trí phía Bắc đường D1, dự kiến bố trí cho lượng người lao động nhập cư phục vụ tại các trung tâm du lịch; xây dựng nhà ở loại hình chung cư với những công trình kiến trúc cao tầng.

+ Đất ở biệt thự, nhà vườn, liền kề: Bố trí phía Bắc các dự án du lịch khu ven biển Suối Nước - Hòa Thắng (tiếp giáp với đường quy hoạch D2), ven hồ Bàu Nổi và các hồ nhân tạo, gồm các loại hình biệt thự nghỉ dưỡng.

- Khu cây xanh chuyên dụng (cây xanh chuyên đề, cây xanh cách ly): Bố trí tại phía Bắc, phía Tây và trung tâm của khu quy hoạch; khai thác các yếu tố địa hình, cảnh quan khu vực kết hợp cảnh quan nhân tạo để tạo ra các khu vui chơi giải trí chuyên đề đặc sắc và thu hút.

- Khu cây xanh công cộng ngoài khu dân cư: (cây xanh thể dục thể thao, vườn hoa, sân chơi công cộng): Bố trí tại khu vực xung quanh hồ Bàu Nổi, giữa các khu dân cư và khu vực phía Tây khu đất, tạo điểm nhấn cảnh quan, làm cân bằng hệ sinh thái trong khu vực và hài hòa với môi trường xung quanh.

- Khu trường học, y tế: Bố trí tại trung tâm và nằm giữa các khu dân cư, đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn bộ khu vực xung quanh.

- Khu hạ tầng kỹ thuật: Bố trí tại khu vực phía Bắc và Nam khu quy hoạch, phù hợp với địa hình và thuận tiện cho việc vận hành, khai thác.

- Khu quảng trường, bãi đỗ xe tập trung: Khu quảng trường bố trí tại các nút giao thông điểm nhấn; bãi đỗ xe tập trung bố trí tại các vị trí tiếp giáp khu công cộng, hỗn hợp, du lịch dịch vụ.

5.2. Định hướng kiến trúc, cảnh quan:

a) Kiểm soát không gian:

- Các công trình công cộng phải tuân thủ Quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng hiện hành.

- Không gian cây xanh, mặt nước phải được bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo; không được lấn chiếm, sử dụng sai mục đích.

- Các công trình xây dựng mới phải đảm bảo giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa địa phương.

b) Kiến trúc các khu chức năng:

- Khuyến khích việc kết hợp các lô đất thành khu đất lớn để xây dựng công trình hợp khối đồng bộ; khoảng lùi các công trình đảm bảo theo quy định.

- Các công trình thương mại dịch vụ xây dựng mới phải có bãi đỗ xe, đáp ứng đủ diện tích theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Chiều cao công trình, mái nhà; chiều cao và độ vượn của ô văng tầng 01; các phân vị đứng, ngang, độ đặc rỗng; bố trí cửa sổ, cửa đi về phía mặt đường đảm bảo tính liên tục, hài hòa cho kiến trúc của toàn tuyến.

- Chiều dài tối đa của tổ hợp kiến trúc, nhóm công trình phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, bảo đảm thuận tiện cho giao thông và công tác phòng cháy, chữa cháy.

c) Trục không gian chính:

- Tại các trục đường chính, khu vực công cộng thì việc sử dụng màu sắc, vật liệu hoàn thiện bên ngoài công trình phải đảm bảo sự hài hòa chung cho toàn tuyến.

- Hệ phố, đường đi bộ trong khu vực phải được xây dựng đồng bộ, phù hợp về cao độ, vật liệu, màu sắc từng tuyến phố, khu vực; khuyến khích trồng cây xanh lớn che bóng mát.

d) Không gian mở, cây xanh, mặt nước và điểm nhấn:

- Các không gian mở cần thể hiện tính đặc trưng, bố trí cây xanh mặt nước, hạn chế xây dựng chắn tầm nhìn ảnh hưởng mỹ quan khu vực.

- Cây xanh phải được trồng, chăm sóc, duy trì, bảo vệ, phân loại và bố trí theo quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn và pháp luật hiện hành. Lựa chọn loại cây trồng có sự phối hợp màu sắc hài hòa, sinh động tạo nét đặc trưng riêng cho khu vực.

- Khu vực cảnh quan tự nhiên, mặt nước có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến chất lượng môi trường và sự phát triển bền vững của toàn khu phải được khoanh vùng, chỉ dẫn sử dụng và hướng dẫn bảo tồn, bảo vệ.

- Các khu vực điểm nhấn như: Nút giao các trục chính, trung tâm hành chính, khu thương mại,... cần tạo được ấn tượng thị giác về tầng cao, hình dáng kiến trúc, ưu tiên mật độ nén để tăng diện tích cây xanh.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Định hướng san nền khu quy hoạch thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam (hướng từ phía đồi ra biển), bám sát địa hình tự nhiên.

- Độ dốc tối thiểu 0,004.

- Cao độ xây dựng được khống chế bởi cao độ các nút giao thông.

b) Thoát nước mưa:

- Giải pháp thoát nước: Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, tách biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Nguồn tiếp nhận: Nước mưa các lưu vực phía Tây và phía Đông khu quy hoạch được thu gom thoát ra hồ điều hòa (khoảng 10,43 ha) tại khu vực trung tâm; lưu vực phía Nam khu quy hoạch được thu gom và thoát ra biển.

- Mạng lưới thoát nước: Thiết kế mạng lưới phân tán, bám theo địa hình theo đường ngắn nhất đổ ra nơi tiếp nhận.

6.2. Quy hoạch giao thông:

- Tuân thủ mạng lưới đường chính theo quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển từ Suối Nước đến Hòa Thắng được phê duyệt. Cấu trúc mạng lưới đường và tổ chức giao thông phù hợp với tổ chức mặt bằng không gian kiến trúc cảnh quan của khu vực lập quy hoạch.

- Khớp nối các quy hoạch đã được phê duyệt, từ đó đưa ra mạng lưới các tuyến đường đối ngoại có khả năng kết nối cao với các khu chức năng xung quanh khu vực quy hoạch.

- Mạng lưới đường phân cấp rõ ràng, bao gồm đường chính và đường nhánh, hình thành mạng lưới hoàn chỉnh, tạo điều kiện sử dụng các lô đất hiệu quả nhất và bám sát địa hình tự nhiên; đảm bảo sự liên hệ thuận tiện giữa nội bộ khu quy hoạch và các khu chức năng khác.

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

| Mặt cắt | Tên đường | Bề rộng | | | Lộ giới (m) |
|---------|-----------|-----------|-----------|--------------------|-------------|
| | | Mặt đường | Phân cách | Via hè (Trái-Phải) | |
| | | | | | |

| Giao thông đối ngoại | | | | | |
|-----------------------------|--|------|-------|-----------|------|
| 1-1 | Tỉnh lộ 715 | 29,0 | 1,5x2 | 5,0-5,0 | 42,0 |
| Giao thông đối nội | | | | | |
| 2-2 | Đường số: 1, 2, 3 | 15,0 | 3,0 | 10,0-10,0 | 38,0 |
| 3-3 | Đường D1 | 21,0 | 4,0 | 6,0-6,0 | 37,0 |
| 4-4 | Đường số 4 | 25,0 | - | 6,0-6,0 | 37,0 |
| 5-5 | Đường D3 | 9,0 | - | 4,0-19,0 | 32,0 |
| 6-6 | Đường số 5 | 14,0 | 8,0 | 4,0-4,0 | 30,0 |
| 7-7 | Đường N8 | 16,0 | 2,0 | 4,0-4,0 | 26,0 |
| 8-8 | Đường số: 6, 7, 8 | 18,0 | - | 4,0-4,0 | 26,0 |
| 9-9 | Đường số 9 | 7,0 | - | 4,0-14,0 | 25,0 |
| 10-10 | Đường: N3, N4, N5, N6, N10, số 10, số 11 | 9,0 | - | 5,0-5,0 | 19,0 |
| 11-11 | Đường số: 12, 13, 14, 15, 16, 17 | 7,0 | - | 5,0-5,0 | 17,0 |
| 12-12 | Đường: D2, N7, N9, N11; số: 18, 19, 20, 21, 22, 23 | 7,0 | - | 4,0-4,0 | 15,0 |

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước: Khoảng 6.200 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp:

+ Nguồn 1: Từ nhà máy nước Hòa Thắng (công suất thiết kế 3.600 m³/ngày đêm);

+ Nguồn 2: Từ Nhà máy nước Lê Hồng Phong (công suất thiết kế 30.000 m³/ngày đêm).

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng lưới cấp nước mạch vòng kết hợp nhánh đảm bảo khả năng cấp nước. Xây dựng trạm bơm tăng áp với công suất 6.200 m³/ngày đêm.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Tổng nhu cầu cấp điện: Khoảng 23.585 kVA.

- Nguồn cấp: Trạm 110kV Hòa Thắng (công suất 40 MVA).

- Mạng lưới cấp điện: Sử dụng cáp ngầm XLPE, đặt trong ống uPVC chôn ngầm đi trong vỉa hè các tuyến đường quy hoạch.

6.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Dự báo nhu cầu: Khoảng 15.000 thuê bao.

- Mạng lưới thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống cáp ngầm mới và hạ ngầm hệ thống cáp ngầm hiện trạng chính (dẫn từ tổng đại hiện trạng của khu vực cấp cho các tủ cáp thông tin chính), từ đó cấp đến các hộp cáp, dẫn ngầm

đến hộ tiêu thụ. Hệ thống các trạm BTS theo quy hoạch phân bố chuyên ngành riêng.

6.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Giải pháp quy hoạch: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với nước mưa; nước thải được thu gom, theo các tuyến cống về các trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực quy hoạch.

- Tiêu chuẩn thu gom: Tối thiểu đạt 90% lưu lượng nước cấp.

- Xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải, gồm: Nhà máy 1 công suất 2.500 m³/ngày đêm (phục vụ cho khu vực phía Bắc khu quy hoạch); nhà máy 2 công suất 6.500 m³/ngày đêm (phục vụ cho khu vực phía Nam và khu vực thuộc đồ án quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển từ Suối Nước đến Hòa Thắng).

- Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo chất lượng nước theo QCVN 14: 2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

6.7. Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng rác thải dự báo: 36 tấn/ngày đêm.

- Rác thải được thu gom hàng ngày đến điểm tập kết, vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch.

7. Đánh giá môi trường chiến lược:

7.1. Các yếu tố tác động của quy hoạch xây dựng đối với môi trường:

a) Giai đoạn chuẩn bị xây dựng:

- Ô nhiễm do bụi.

- Ô nhiễm do nước thải.

- Ô nhiễm về tiếng ồn.

- Ô nhiễm nhiệt do các phương tiện vận tải, máy móc thi công.

- Ô nhiễm do khí thải từ các phương tiện vận tải, các phương tiện và máy móc thi công.

b) Giai đoạn xây dựng: Giai đoạn san lấp tạo mặt bằng dự án gây tác động lớn tới môi trường khu vực. Các nguồn gây ô nhiễm trong giai đoạn thi công xây dựng, gồm: Hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước mưa trên toàn bộ diện tích, hệ thống thoát nước thải, hệ thống mạng lưới cấp nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc.

c) Giai đoạn vận hành, đưa vào hoạt động: Các nguồn gây ô nhiễm môi trường chủ yếu từ các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí....

7.2. Đánh giá tác động môi trường: Các dự án, công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch phải thực hiện việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và các nội dung liên quan theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường tại khu vực và cân bằng hệ sinh thái.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

8.1. Các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Giai đoạn 1 từ năm 2020 đến năm 2030:

- Dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, trạm xử lý nước thải, trạm bơm cấp nước, hồ điều hòa, trạm điện,...

- Dự án, công trình kiến trúc cảnh quan: Khu phức hợp trung tâm, khu công cộng - thương mại dịch vụ, khu công viên cây xanh hồ Bàu Nổi, các công trình hạ tầng xã hội: Trường học, bệnh viện, nhà văn hóa,...

b) Giai đoạn 2 từ năm 2031 đến năm 2045: Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại, hình thành khu dân cư - dịch vụ du lịch - giải trí tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình.

8.2. Nguồn lực thực hiện: Chủ yếu kêu gọi, thu hút đầu tư, huy động từ các nguồn vốn ngoài ngân sách.

9. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung:

(Theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng kèm theo.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố thực hiện theo quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai lập các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng theo đúng quy định.

- Quản lý hồ sơ quy hoạch xây dựng được phê duyệt; thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức triển khai công bố, thông báo công khai Quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

- Quản lý hồ sơ quy hoạch xây dựng được phê duyệt; thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tổ chức quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng trên địa bàn; xử lý các trường hợp đầu tư, xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Các sở, ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện và quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Hồng Phong, Hòa Thắng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KGVXNV, ĐTQH. Thiện

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai